

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08/06/2026

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Kim Ngân
2. Bà Nguyễn Thị Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 606/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2026/QĐXXST-HN ngày 15 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2026/QĐST-HN ngày 15 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ngọc Thủy T**, sinh năm 19xx; Căn cước số 0xxxxxxxxxxxx do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày xx/x/20xx (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ xx, ấp xx, xã TĐ, tỉnh A (xã THx, huyện TH, tỉnh K cũ)

Địa chỉ liên hệ: xxx Quang T, phường AHT (Phường xx, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông **Mai Thế A**, sinh năm 19xx; Căn cước số 0xxxxxxxxxxxx do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày xx/xx/20xx (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: xxx Đoàn Văn B, KPxx, phường X (Phường xx, Quận x cũ), Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Thủy T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Thủy T và ông Mai Thế A đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số xxx/20xx do Ủy ban nhân dân Phường xx, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày xx/xx/20xx. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm trong cuộc sống lẫn tôn giáo, dẫn đến bà bị bạo hành. Ông Mai Thế A hay nhậu nhẹt rồi hành hạ bà. Cuộc sống rất căng thẳng. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng x/2025 đến nay. Do hai bên có nhiều mâu thuẫn, bất đồng và không tìm được tiếng nói chung nên bà Nguyễn Ngọc Thủy T làm đơn đề nghị Tòa án cho ly hôn với ông Mai Thế A.

- Về con chung: không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản vợ chồng: bà xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

Ông Mai Thế A mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để trình bày ý kiến.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các bên đoàn tụ với nhau, nhưng hòa giải đoàn tụ không thành do ông Mai Thế A mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc Thủy T; Về con chung: bà T và ông A không có con chung nên không xem xét. Về tài sản chung: do bà T đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nghĩa vụ chung về tài sản vợ chồng: bà T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét hôn nhân giữa Bà Nguyễn Ngọc Thủy T và ông Mai Thế A đã được Ủy ban nhân dân Phường xx, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số xxx/20xx ngày xx/xx/20xx. Bà Thủy T yêu cầu ly hôn với ông Thế A, nên có đủ cơ sở xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn; Ông Mai Thế A có nơi cư trú tại phường X, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số xxx/20xx do Ủy ban nhân dân Phường xx, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường X, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày xx/xx/20xx cùng lời khai của bà T về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc Thủy T và ông Mai Thế A là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Ngọc Thủy T yêu cầu ly hôn với ông Mai Thế A, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của bà T nhận thấy, cuộc sống hôn nhân của bà T và ông Thế A có nhiều mâu thuẫn do sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm trong cuộc sống lẫn tôn giáo, dẫn đến bà bị bạo hành. Ông A hay nhậu nhẹt rồi hành hạ bà. Cuộc sống rất căng thẳng. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng x/2025 đến nay. Do hai bên có nhiều mâu thuẫn, bất đồng và không tìm được tiếng nói chung nên bà T làm đơn đề nghị Tòa án cho ly hôn với ông A.

Xét hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở vợ chồng phải yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Đây là quyền và nghĩa vụ vợ chồng đã được pháp luật ghi nhận. Đối chiếu với cuộc sống hôn nhân của bà T và ông A, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa bà T và ông A mâu thuẫn đến mức trầm trọng, hai bên đều thuận tình ly hôn, như vậy có đủ cơ sở xác định tình cảm của cả hai đều không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ hôn nhân này không có điều kiện xây dựng vun đắp lại tình cảm. Cho nên, bà T yêu cầu ly hôn với ông A là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

- Về nghĩa vụ chung về tài sản vợ chồng: bà xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

- Về các vấn đề khác: Không có nên không xem xét

[3] Về án phí:

Bà Nguyễn Ngọc Thủy T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Thủy T về việc đề nghị ly hôn với ông Mai Thế A.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Thủy T được ly hôn với ông Mai Thế A.

(Giấy chứng nhận kết hôn số xxx/20xx do Ủy ban nhân dân Phường xx, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường X, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày xx/xx/20xx).

- Về con chung: bà Nguyễn Ngọc Thủy T và ông Mai Thế A không có con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung: bà Nguyễn Ngọc Thủy T và ông Mai Thế A tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản vợ chồng: Nguyễn Ngọc Thủy T và ông Mai Thế A xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về các vấn đề khác: Không có nên không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc Thủy T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 00xxxxx ngày xx/xx/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND KV1 - TP Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV1;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

TAND KHU VỰC 1



ZY2080626.TL.QDBA
20613

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hương